

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

\* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

\* Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Điệp.

2/ Ông Trần Minh Hiếu.

\* Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 24/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 360/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2021, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 6/01/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Hà Thu H, sinh năm 1971

HKTT: Số 336/1, ấp R, xã G, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Mã Văn T, sinh năm 1970

HKTT: Số 336/1, ấp R, xã G, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2021, nguyên đơn bà Hà Thu H trình bày: Vào năm 1993, bà với ông Mã Văn T cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, cho đến nay ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống anh chị có hai người con chung là chị Mã Thị Phi Y, sinh ngày 15/8/1994 và chị Mã Thị H1, sinh ngày 9/9/2000. Thời gian gần đây ông bà bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, ông bà không thể chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà với ông T là vợ chồng; các con đã trưởng thành, sống tự lập nên bà không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Mã Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Đối với yêu cầu của bà H thì ông không đồng ý. Nếu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông với bà H là vợ chồng thì ông không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[2] Về hôn nhân: Bà Hà Thu H và ông Mã Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng cho đến nay ông, bà không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì trường hợp *“nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết; từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*. Vì vậy, việc bà H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà với ông T là vợ chồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là chị Mã Thị Phi Y, sinh ngày 15/8/1994 và chị Mã Thị H1, sinh ngày 9/9/2000. Tất cả đã trưởng thành, có khả năng lao động, phát triển bình thường. Bà H và ông T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu là 300.000 đồng theo khoản 4 Điều 147 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thu H.

1/. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ giữa bà Hà Thu H với ông Mã Văn T là vợ chồng.

2/. Về con chung: Bà Hà Thu H và ông Mã Văn T có 02 con chung là chị Mã Thị Phi Y, sinh ngày 15/8/1994 và chị Mã Thị H1, sinh ngày 9/9/2000. Tất cả đã trưởng thành.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hà Thu H và ông Mã Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. Về án phí: Bà Hà Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001505 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà H đã nộp xong án phí sơ thẩm. Ông Mã Văn T không phải chịu án phí.

5/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã Kế An, H. KS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thạch Viết Tâm**